

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THẾ
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: **01/2025/DS-ST**

Ngày 08/01/2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng dịch
vụ thi công lắp đặt

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hải Đăng

2. Ông Lục Viết Sang

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Duy Tùng- Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế tham gia phiên tòa: Ông Ngô Đức nghiêm- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2025, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 180/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ thi công lắp đặt*”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2024/QĐXXST- DS ngày 12 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 122/2024/QĐST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang- Có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Hoàng Thế L, sinh năm 1964; Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang- Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Vũ Thị Y, sinh năm 1992 (vợ ông M); Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang- Có đơn xin vắng mặt.

2. Bà Vi Thị H, sinh năm 1964 (vợ ông L); Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang- Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn (ông [Nguyễn Văn M](#)) trình bày:

Vào ngày 8/01/2023 ông [M](#) và ông [Hoàng Thế L](#) có ký bản hợp đồng thi công lắp đặt bao gồm lắp đặt một số sản phẩm cho nhà ông [Hoàng Thế L](#) đang xây dựng. Tổng số tiền trong hợp đồng là 169.664.000 đồng (Một trăm sáu mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi tư nghìn đồng). Ông [L](#) đã thanh toán cho ông [M](#) với số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Còn nợ lại ông [M](#) số tiền là 69.664.000 đồng (Sáu mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi tư nghìn đồng). Tuy nhiên kể từ ngày ký hợp đồng và hoàn thành công trình đến nay thì ông [L](#) chưa thanh toán cho ông [M](#) thêm đồng nào. Mặc dù ông [M](#) có đến đòi nhiều lần nhưng ông [L](#) không có ý thức thanh toán số tiền còn nợ cho ông [M](#). Do đó, tại đơn khởi kiện ông [M](#) đề nghị Tòa án buộc ông [Hoàng Thế L](#) trả 69.664.000 đồng tiền nợ gốc theo hợp đồng, tiền lãi tạm tính từ ngày 8/01/2023 đến ngày 30/8/2024 là 13.920.000 đồng. Tổng số tiền ông [Hoàng Thế L](#) phải trả cho ông [M](#) là 83.584.000 đồng (Tám mươi ba triệu năm trăm tám mươi tư nghìn đồng). Ông [M](#) yêu cầu chỉ mình ông [L](#) trả nợ cho ông [M](#) vì vấn đề hợp đồng thi công lắp đặt chỉ có ông [M](#) và ông [L](#) làm việc với nhau, bà [H](#) vợ của ông [L](#) không biết gì về việc này. Do đó ông [M](#) chỉ yêu cầu ông [L](#) trả nợ cho ông [M](#).

Tuy nhiên, trước ngày mở phiên tòa ông [M](#) có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, ông [M](#) xin rút phần lãi suất chậm trả đối với yêu cầu khởi kiện ban đầu. Đến nay ông [M](#) chỉ yêu cầu ông [L](#) phải trả ông [M](#) số tiền gốc của hợp đồng là 69.664.000 đồng (Sáu mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi tư nghìn đồng), đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, đình chỉ đối với phần yêu cầu về lãi suất. Ngoài ra, ông [M](#) không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn (ông [Hoàng Thế L](#)) trình bày:

Vào tháng 01/2023 ông [L](#) và ông [Nguyễn Văn M](#) có ký một bản hợp đồng thi công lắp đặt một số thiết bị khi gia đình ông [L](#) xây nhà. Tổng số tiền trong hợp đồng là 169.664.000 đồng (Một trăm sáu mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi tư nghìn đồng). Trong số tiền trong hợp đồng trên ông [L](#) đã thanh toán cho ông [M](#) số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Lần cuối hai bên chốt nợ thể hiện ông [L](#) còn nợ lại ông [M](#) số tiền 69.664.000 đồng (Sáu mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi tư nghìn đồng) là vào ngày 8/01/2023.

Đến nay ông [M](#) khởi kiện yêu cầu ông [L](#) trả cho ông [M](#) số nợ còn lại, ông [L](#) xác nhận ông [L](#) có nợ của ông [M](#) số tiền nợ gốc nêu trên và đồng ý trả cho ông [M](#). Tuy nhiên, ông [L](#) không có điều kiện để trả luôn một lần nên ông [L](#) yêu cầu được trả dần mỗi tháng từ 5.000.000 đồng – 10.000.000 đồng/tháng.

Việc ký kết hợp đồng và làm những thiết bị trên chỉ có ông [L](#) và ông [M](#) ký và biết với nhau nên vấn đề này không liên quan đến vợ ông [L](#).

Ông L xác định: Lúc trước khi làm ông L có thỏa thuận với ông M là làm đến đâu thì làm, còn đâu về sau ông L bán được đất thì ông L sẽ trả nốt. Sau được mấy tháng ông M xuống đòi tiền, ông M đòi gấp như thế ông L không đủ điều kiện trả, sau đó ông M cầm hợp đồng xuống bảo ông L ký hợp đồng để ông M vay tiền nên ông L đã ký. Đến nay ông L không có điều kiện để trả nợ, ông L yêu cầu được trả dần hàng tháng theo điều kiện của ông L. Nếu ông M không đồng ý thì có thể xuống để tháo dỡ những phần đã thi công lắp đặt các bộ phận của công trình đã làm, tuy nhiên nếu có hỏng hóc gì đến những công trình trên thì phải đền bù cho ông L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà Vũ Thị Y) trình bày: Bà Y là vợ của ông Nguyễn Văn M là nguyên đơn trong vụ án, bà Y có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Về vấn đề nợ tiền công trình lắp đặt giữa chồng bà Y (ông M) và ông Hoàng Thế L, bà Y không liên quan và cũng không biết về khoản nợ này giữa chồng bà Y và ông L đến khi chồng bà Y nói với bà Y về khoản nợ này bà Y mới biết, đây là công việc riêng của chồng bà Y do đó bà Y thấy mình không liên quan đến việc này, và bà Y cũng không biết việc này. Vì vậy, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Thế xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà Vi Thị H): Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và cũng không gửi ý kiến, văn bản đến Tòa án, vì vậy không có lời khai trong hồ sơ.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng theo quy định; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án cơ bản đúng quy định của pháp luật, đối với bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Thế L, bà Vi Thị H chưa chấp hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 275, 513, 515, 518, 519; Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 227; Điều 228; Điều 238; khoản 2 Điều 244; Điều 217, Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M.

Buộc ông Hoàng Thế L phải có nghĩa vụ thanh toán trả ông Nguyễn Văn M số tiền còn nợ của hợp đồng dịch vụ thi công lắp đặt là: 69.664.000 đồng (Sáu mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi tư nghìn đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M đối với yêu cầu buộc ông Hoàng Thế L phải trả cho ông Nguyễn Văn M số tiền lãi là 13.920.000đ (Mười ba triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng);

Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án

phí, lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông [Hoàng Thế L](#) do ông [L](#) là người cao tuổi. Ông [Nguyễn Văn M](#) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại ông [Nguyễn Văn M](#) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.089.000đ (Hai triệu không trăm tám mươi chín nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001778 ngày 21/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Bà [Vũ Thị Y](#), bà [Vi Thị H](#) là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt (bà [Y](#) có đơn xin vắng mặt). Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người có tên nêu trên.

[2]. Về quan hệ tranh chấp:

Căn cứ đơn khởi kiện của ông [Nguyễn Văn M](#) đây xác định là quan hệ tranh chấp hợp đồng dịch vụ thi công lắp đặt, quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2].1. Ông [Nguyễn Văn M](#) và ông [Hoàng Thế L](#) tự nguyện thỏa thuận về hợp đồng dịch vụ thi công lắp đặt, được xác nhận là hợp đồng hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[2].2. Xét yêu cầu của ông [Nguyễn Văn M](#) yêu cầu ông [Hoàng Thế L](#) phải trả số tiền ông [M](#) thi công lắp đặt công trình còn nợ của hợp đồng là 69.664.000 đồng (Sáu mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi tư nghìn đồng), thấy rằng: Ông [M](#) và ông [L](#) đều xác định sau khi thỏa thuận về hợp đồng dịch vụ lắp đặt thi công công trình cho ông [L](#), ông [M](#) đã thực hiện lắp đặt các hạng mục công trình theo đúng thỏa thuận cho ông [Hoàng Thế L](#), ông [L](#) đã đưa các công trình do ông [M](#) lắp đặt vào sử dụng. Do ông [L](#) chưa thanh toán trả hết tiền lắp đặt công trình cho ông [M](#), nên hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng bằng văn bản, hai bên thỏa thuận đến ngày 30/8/2023 ông [L](#) phải có trách nhiệm trả cho ông [M](#) số tiền còn nợ là 69.664.000đồng. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ theo thỏa thuận, ông [L](#) vẫn không trả cho ông [M](#) thêm số tiền nào. Ông [M](#) yêu cầu ông [L](#) trả số tiền còn nợ, ông [L](#) đồng ý nhưng đề nghị được trả dần hoặc có thể xuống để tháo dỡ những phần đã thi công lắp đặt các bộ phận của công trình đã làm. Do đó, có căn cứ xác định ông [L](#) còn nợ của ông [M](#) số tiền của hợp đồng là 69.664.000 đồng (Sáu mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi tư nghìn đồng), cần buộc ông [L](#) phải có trách nhiệm thanh toán trả ông [M](#) số tiền này.

[2].3. Xét việc ông [Nguyễn Văn M](#) có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần lãi suất chậm trả, ông [M](#) không yêu cầu ông [L](#) phải trả số tiền lãi 13.920.000

đồng theo yêu cầu khởi, đề nghị Tòa án đình chỉ đối với phần yêu cầu về lãi suất, xét là tự nguyện, cần đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện này của ông [M](#) trong vụ án.

[3]. Về án phí: Yêu cầu của ông [Nguyễn Văn M](#) được chấp nhận, vì vậy ông [Nguyễn Văn M](#) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông [Hoàng Thế L](#) là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 275, 513, 515, 518, 519; Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 227; Điều 228; Điều 238; khoản 2 Điều 244; Điều 217, Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông [Nguyễn Văn M](#).

Buộc ông [Hoàng Thế L](#) phải có nghĩa vụ thanh toán trả ông [Nguyễn Văn M](#) số tiền còn nợ của hợp đồng dịch vụ thi công lắp đặt là: 69.664.000 đồng (Sáu mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi tư nghìn đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông [Nguyễn Văn M](#) đối với yêu cầu buộc ông [Hoàng Thế L](#) phải trả cho ông [Nguyễn Văn M](#) số tiền lãi là 13.920.000đ (Mười ba triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng);

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông [Hoàng Thế L](#) do ông [L](#) là người cao tuổi. Ông [Nguyễn Văn M](#) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại ông [Nguyễn Văn M](#) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.089.000đ (Hai triệu không trăm tám mươi chín nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001778 ngày 21/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thế.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án vắng mặt hợp lệ.

Nơi nhận:

- *Tòa án ND tỉnh Bắc Giang*
- *VKSND tỉnh Bắc Giang;*
- *VKSND huyện Yên Thế;*
- *Các đương sự;*
- *Chi cục thi hành án;*
- *Lưu.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Toàn